

Ch S, ngày 24 tháng 8 năm 2018

Số: 28/2018/QĐST- DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V

Địa chỉ: Số 89 L H, phường L H, quận Đ Đ, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức Ch, chức vụ chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: 30 Tr Ph nổi dài, phường T S, thành phố P K, tỉnh G L.

Theo giấy ủy quyền số 504/2018/UQ-VPB ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Bị đơn: Ông Vũ Trung K, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Làng DL, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn và phía bị đơn thống nhất: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu buộc ông K và bà H phải trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 9298706 ngày 15/9/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần V N Th V đã cho ông Vũ Trung K và bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền gốc là 47.000.000 đồng, nhưng ông K và bà H đã trả được 19.029.167 đồng, hiện ông K và bà H chỉ còn

nợ hợp đồng vay này 27.970.833 đồng và toàn bộ khoản lãi của khoản vay này là 12.796.656 đồng. Đồng thời nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc ông K và bà H phải trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng quốc tế số 301-P-878290 ngày 12/3/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần V N Th V đã cho ông Vũ Trung K và bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 860.000 đồng để Ngân hàng và ông K và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về số tiền nợ yêu cầu lần này: Ông Vũ Trung K, bà Nguyễn Thị H và đại diện nguyên đơn thống nhất công nhận: Ông K và bà H có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V theo Hợp đồng tín dụng số 6068716/GLI/HĐTD ngày 28/01/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần V N Th V đã cho ông K và bà H vay tổng số tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay mua ô tô để phục vụ gia đình. Đến nay, ông K và bà H đã trả được số tiền gốc 118.750.000 đồng, còn nợ tổng cộng là 387.834.849 đồng (*ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: tiền gốc 331.250.000 đồng và tiền lãi: 56.584.859 đồng (lãi tạm tính đến ngày 16/8/2018).

2.3. Về phương thức thanh toán:

Ông Vũ Trung K và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/8/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 6068716/GLI/HĐTD ngày 28/01/2016 là 387.834.849 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng chẵn), (trong đó: Nợ gốc: 331.250.000 đồng, lãi vay: 56.584.859 đồng). Thời hạn trả nợ 01 lần vào ngày 16/9/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (tức là ngày 17/8/2018) ông Kiên và bà Huệ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.4. Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010451 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh G L cấp ngày 26/01/2016 cho ông Vũ Trung K khi ông K và bà H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

2.5. Trường hợp ông K và bà H không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nợ vay là chiếc xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, số loại RIO, biển số 81A-094.13 của ông K và bà H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 6068716/GLI/HĐTC ngày 28/01/2016 để thu hồi nợ.

2.6. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% án phí. Hai bên đương sự thỏa thuận ông K và bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.695.871đ (*chín triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng*) = $[(387.834.849 \times 5\%) : 2]$ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V N Th V số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 10.173.401đ (*mười triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm lẻ một đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007465 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- Chi cục THADS (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

Chư Sê, ngày 27 tháng 6 năm 2017

BIÊN BẢN HÒA GIẢI THÀNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 27 tháng 6 năm 2017;

Xét thấy các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 92/2015/ TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Lập biên bản hoà giải thành do các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; cụ thể như sau:

1. Về nội dung và hình thức di chúc: Ông Phạm Đình Hưng, ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiển và ông Nguyễn Mạnh Tới công nhận di chúc của ông Phạm Đình Cư lập ngày 04/4/2013 là hợp pháp.

2. Về di sản: 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ 42, địa chỉ tại tổ dân phố 12, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HK 602678 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 02/10/2007, thửa đất có diện tích 2304,3 m², trong đó có 400 m² đất ở đô thị và 1904,3 m² đất nông nghiệp. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng có cạnh kích thước 11m; phía Tây giáp đường Hùng Vương có cạnh kích thước là 11,5m; Phía Nam giáp đất ông Phạm Đình Hưng có cạnh kích thước là 205,12m; phía Bắc giáp đất ông Phạm Đình Trung có cạnh kích thước là 205,88m.

Theo biên bản định giá, tài sản chung của ông Phạm Đình Cư và bà Nguyễn Thị Gái có giá như sau: Quyền sử dụng đất trên có giá: 2.797.664.400 đồng và nhà cấp 4, nhà tạm, nhà tắm, sân bê tông có giá: 126.148.600 đồng.

- Di sản của ông Cư gồm: đối với quyền sử dụng đất có giá là 2.797.664.400đ : 2 = 1.398.832.200đ; quyền sở hữu nhà ở là: 126.148.600 : 2 = 63.074.300đ và hưởng thừa kế (nhà và đất) của bà Gái là 292.381.300đ. Tổng cộng là: 1.398.832.200đ + 63.074.300đ + 292.381.300đ = 1.754.287.800đ.

- Di sản của bà Gái gồm: đối với quyền sử dụng đất là 2.797.664.400 : 2 = 1.398.832.200 đồng; quyền sở hữu nhà ở là: 126.148.600 : 2 = 63.074.300đ. Tổng cộng là: 1.398.832.200 đồng + 63.074.300đ = 1.461.906.500đ.

3. Về hàng thừa kế: - Bà Nguyễn Thị Gái chết ngày 08/02/2006 nên hàng thừa kế gồm: Ông Phạm Đình Cư, Phạm Đình Hưng, ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiển và ông Phạm Đức (Đình) Trung.

- Ông Phạm Đình Cư chết ngày 28/6/2013 nên hàng thừa kế gồm: ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiển và ông Phạm Đức (Đình) Trung và ông Phạm Đình Hưng.

4. Về thỏa thuận chia di sản: Các đương sự thống nhất chia di sản của ông Cụ theo di chúc, di sản của bà Gái chia theo pháp luật, chia thành 05 phần bằng nhau theo hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Phạm Đình Cụ, Phạm Đình Hưng, ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiển và ông Phạm Đức (Đình) Trung. Đồng thời, chia diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên bản thẩm định tại chỗ với diện tích 2304,3m².

- Đối với căn nhà cấp 4, nhà tắm, nhà tạm và sân bên tông: các đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho ông Phạm Đình Hưng sở hữu. Đối với một số cây cối trên đất (cà phê, cây bơ, cây hồng, cây mận) các đương sự thống nhất không chia, cây cối nào nằm trên đất của ai thì người đó khai thác và hưởng hoa lợi. Các bên không có tranh chấp gì thêm.

** Đối với ông Phạm Đình Hưng:* Hưởng toàn bộ di sản của ông Cụ theo di chúc là tổng giá trị là 1.754.287.800đ.

Phần di sản của bà Gái là 1.461.906.500đ chia 05 phần bằng nhau cho 5 người trong hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Cụ, ông Hưng, ông Hiển, ông Vinh và ông Trung. Tuy nhiên, theo thỏa thuận của các đương sự, chia toàn bộ quyền sở hữu nhà ở cho ông Hưng, còn lại chia giá trị quyền sử dụng đất cho các thừa kế và mỗi phần tương ứng là: $1.398.832.200đ : 5 = 279.766.440$ đồng. Ông Phạm Đình Hưng được hưởng di sản của bà Gái là: $1.398.832.200đ : 5 = 279.766.440$ đồng và được chia quyền sở hữu nhà cấp 4, nhà tắm, nhà tạm và sân bên tông có giá: 126.148.600 đồng. Tổng cộng ông Hưng được hưởng là: Quyền sử dụng đất của ông Cụ là $1.398.832.200đ +$ giá trị phần đất ông Cụ hưởng thừa kế của bà Gái là $279.766.440đ +$ giá trị phần đất ông Hưng được hưởng của bà Gái là $279.766.440đ +$ toàn bộ giá trị căn nhà là 126.148.600đ. Tổng cộng ông Phạm Đình Hưng được hưởng là **2.084.513.680** đồng.

** Đối với ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiển, Phạm Đức (Đình) Trung:*

Ông Vinh, ông Hiển, ông Trung mỗi người được hưởng di sản của bà Gái tương ứng là: $1.398.832.200đ : 5 = \mathbf{279.766.440}$ đồng.

5. Chia theo hiện vật: Đối với ông Phạm Đình Hưng: Chia cho ông Hưng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ 42, tại tổ dân phố 12, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HK 602678 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 02/10/2007 là: 6,9m theo di chúc + 1,15m ông được hưởng của bà Gái, tổng cộng là 8,05m. Giao cho ông Hưng phần diện tích đất có kích thước 8,05m tính theo đường Hùng Vương, hướng từ Chư Puh đi Plei Ku, tính từ ranh giới đất ông Phạm Đình Hưng (thửa đất số 87). Vị trí từ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng rộng 8,05m, phía Tây giáp đường Hùng Vương rộng 8,05m, Phía Nam giáp đất ông Phạm Đình Hưng 205,12m, phía Bắc giáp đất ông Vinh, ông Hiển và ông Trung (sau khi chia) rộng 205,12m. Tổng diện tích là 1.651,216 m² (trong đó, có 280m² đất ở và 1.371,216m² đất nông nghiệp). Trên đất có căn nhà cấp 4, nhà tắm, nhà tạm, sân bê tông.

Đối với ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiền và ông Phạm Đức Trung:

* Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 86, tờ bản đồ 42, tại tổ dân phố 12, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HK 602678 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 02/10/2007 tính từ phần tiếp theo cho đến ranh giới tiếp giáp đất ông Trung (thửa đất số 97), được chia như sau:

Ông Phạm Thế Vinh được hưởng 217,694 m² (trong đó, có 40m² đất ở và 177,694m² đất nông nghiệp) có kích thước các cạnh và vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng rộng 0,983m, phía Tây giáp đường Hùng Vương rộng 1,15 m, Phía Nam giáp đất ông Phạm Đình Hưng 205,12m (sau khi chia), phía Bắc giáp đất ông Phạm Hồng Hiền (sau khi chia) dài 205,88m.

Ông Phạm Hồng Hiền được hưởng 217,694 m² (trong đó, có 40m² đất ở và 177,694m² đất nông nghiệp) có kích thước các cạnh và vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng rộng 0,983m; phía Tây giáp đường Hùng Vương rộng 1,15 m; Phía Nam giáp đất ông Phạm Thế Vinh (sau khi chia) dài 205,88m; phía Bắc giáp đất ông Phạm Đình (Đức) Trung dài 205,88m.

Ông Phạm Đình (Đức) Trung được hưởng 217,694 m² (trong đó, có 40m² đất ở và 177,694m² đất nông nghiệp) có kích thước các cạnh và vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng rộng 0,983m; phía Tây giáp đường Hùng Vương rộng 1,15 m; Phía Nam giáp đất ông Phạm Hồng Hiền (sau khi chia) dài 205,88m; phía Bắc giáp đất ông Phạm (Đình) Đức Trung dài 205,88m.

* Ông Vinh, ông Hiền và ông Tới đều thống nhất thỏa thuận, chia chung quyền sử dụng đất của ông Vinh, ông Hiền và ông Trung thành một khối thống nhất để sử dụng vào việc xây dựng nhà từ đường thờ cúng bố mẹ. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự, nên Tòa án công nhận và chia quyền sử dụng đất thành khối thống nhất như sau:

Chia cho ông Vinh, ông Hiền và ông Trung diện tích đất là 653,084 m² (trong đó có 120m² đất ở và 533,084m² đất nông nghiệp) có kích thước các cạnh và vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phạm Đình Hưng rộng 2,95m; phía Tây giáp đường Hùng Vương rộng 3,45m; Phía Nam giáp đất ông Phạm Đình Hưng (sau khi chia) dài 205,12m; phía Bắc giáp đất ông Phạm (Đình) Đức Trung dài 205,88m.

6. Về án phí: Phần ông Hưng được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của ông Cư là **1.754.287.800đ**. Đối với phần này ông Hưng đương nhiên được hưởng theo di chúc nên không phải chịu án phí dân sự.

Ông Phạm Đình Hưng phải chịu án phí phần được hưởng chia di sản của bà Gái theo pháp luật là: 279.766.440 đồng. Đối với phần căn nhà cấp 4 và công trình phụ mà ông Vinh, ông Hiền, ông Trung chia toàn bộ căn nhà và công trình phụ cho ông Hưng sở hữu thì ông Hưng phải chịu án phí có giá là 50.459.440đ. Tổng cộng ông Hưng phải chịu án phí là: (279.766.440đ + 50.459.440đ) x 5%) : 2 = **8.255.647đ** (tám triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Ông Phạm Đình Hưng đã nộp **7.500.000đ** theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005058 ngày 07/12/2015 của

Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, ông Hưng phải nộp tiếp phần còn thiếu là: $8.255.647đ - 7.500.000đ = 755.647đ$ (bảy trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Ông Phạm Thế Vinh, ông Phạm Hồng Hiến và ông Phạm Đình (Đức) Trung phải chịu án phí tương ứng với phần di sản mình được hưởng, mỗi người phải chịu là: $(279.766.440đ \times 5\%) : 2 = 6.994.161đ$ (sáu triệu chín trăm chín mươi tư nghìn một trăm sáu mươi đồng).

7. Về chi phí định giá tài sản: ông Hưng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí là 2.200.000đ.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên đây thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, nếu không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

